



zhī wù

织物

noun · fabric, textile

Example Sentences

Zhè zhǒng zhī wù mō qǐ lái hěn róu ruǎn

这种织物摸起来很柔软。

This fabric feels very soft.

Zhè zhǒng zhī wù de rǎn sè gōng yì fēi cháng fù zá

这种织物的染色工艺非常复杂。

The dyeing process of this fabric is very complex.

Trace each character, then write the word on your own.

织	织	织	织	织	织	织	织	织	织	织
物	物	物	物	物	物	物	物	物	物	物